**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S**
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
*Bản án số 20/2022/HNGĐ - ST*
*Ngày 10/ 8/2022*
*V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Phước Hoà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Đức.

2. Bà Võ Thị Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/ 8/ 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S- Số 25 Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Tạm trú tại: tổ 79, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê H, sinh năm1972. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Tạm trú tại: tổ 79, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Lê Thị Mỹ L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Lê H kết hôn năm 1997. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau tại phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Đến năm 2019 thì vợ chồng chuyển vào Đà Nẵng sinh sống và tạm trú tại tổ 79, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không muốn sống với nhau nữa. Mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chúng tôi tuy vẫn sống chung một nhà nhưng thực tế đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông Lê H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê H.

- Về con chung: tôi và ông Lê H có 03 con chung là: Lê Bảo C, sinh ngày 13/9/1998; Lê Bảo N, sinh ngày 28/4/2002; Lê Bảo V, sinh ngày 09/7/2010. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con Lê Bảo V, không yêu cầu ông Lê H cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo V. Riêng các con Lê Bảo C, Lê Bảo N đã trưởng thành và phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tôi và ông Lê H không có nợ chung.

* Ông Lê H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của ông trong trong quá trình tố tụng và ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Lê H liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Lê H.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao con Lê Bảo V, sinh ngày 09/7/2010 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

con Lê Bảo V đủ 18 tuổi. Do bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu ông Lê H cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo V nên ông Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng các con Lê Bảo C, Lê Bảo N đã trưởng thành và phát triển bình thường, bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: bà Lê Thị Mỹ L xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Lê H vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, không đề cập giải quyết về nợ chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Lê H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Lê H vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lê H kết hôn năm 1997. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/97 do UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 18 tháng 3 năm 1997). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Lê H vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông, nhưng qua lời trình bày của bà Lê Thị Mỹ L và qua xác minh thì được biết hiện tại ông bà vẫn đang sống chung một nhà nhưng vợ chồng lục đục, mâu thuẫn do không hợp tính tình. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải nhưng ông Lê H thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông Lê H cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích

nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Lê Thị Mỹ L và ông Lê H có 03 con chung là: Lê Bảo C, sinh ngày 13/9/1998; Lê Bảo N, sinh ngày 28/4/2002; Lê Bảo V, sinh gày 09/7/2010. Ly hôn, bà Lê Thị Mỹ L có nguyện vọng được nuôi con Lê Bảo V, không yêu cầu ông Lê H cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo V. Riêng các con Lê Bảo C, Lê Bảo N đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ L về việc nuôi con thì thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải, trong đó có hòa giải việc nuôi con chung nhưng ông Lê H thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con; đối với cháu Lê Bảo V là con gái, rất cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ, khi được hỏi ý kiến cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Lê Bảo V HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Bảo V cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Bảo V đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu ông Lê H cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo V nên ông Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: bà Lê Thị Mỹ L xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Lê H vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về nợ chung.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì bà Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Mỹ L đã nộp tại biên lai thu số 03246 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Lê H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Lê H (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/97 do UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 18 tháng 3 năm 1997).

2. Về con chung: Giao con chung Lê Bảo V, sinh gày 09/7/2010 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Lê Bảo V đủ 18 tuổi. Do bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu ông Lê H cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo V nên ông Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng các con Lê Bảo C, Lê Bảo N đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: bà Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Mỹ L đã nộp tại biên lai thu số 03246 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Phước Hòa**

*Nơi nhận:*
- *Viện kiểm sát q. Sơn Trà*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;*
- *Lưu hồ sơ*